TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2021
V/v tranh chấp Chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu;

2. Bà Nguyễn Thị Ly;

- Thư ký Phên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia Phên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 570/2020/QĐXXST-HN, ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Luật sư Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Quỹ tín dụng nhân dân L; địa chỉ: ấp Thị 1, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt);

3.2. Ông Lê Châu P, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu vắng mặt);

3.3. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình làm việc nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, không tổ chức lễ cưới. Đến năm 2014, mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện nay, ông, bà đã ly hôn bằng bản án số 253/2019/HNGĐ-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nhưng về tài sản chung: vợ chồng ông tự thỏa thuận, nhưng đến nay vợ chồng ông không thỏa thuận được nên yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với bà Huỳnh Thị L là 01 (một) căn nhà cấp IV có diện tích ngang 4,15m, dài 15m, có kết cấu vách gạch, mái lợp tole, nền lát gạch, trị giá căn nhà là 100.000.000 đồng. Căn nhà cất vào năm 2011, nguồn tiền cất nhà là do vợ chồng tích lũy từ việc nuôi bò và chia diện tích đất lúa 2.060m^2 do bà Huỳnh Thị L đứng tên, đất có giá 150.000.000 đồng. Nguồn gốc đất lúa là do vợ chồng mua của ông Lê Văn Thành, ngụ ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giá 48.000.000 đồng/2.060m^2 vào năm 2008. Nhà và đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tổng giá trị tài sản có giá là 250.000.000 đồng. Ông yêu cầu chia đôi, ông yêu cầu nhận giá trị, ông yêu cầu được nhận là 125.000.000 đồng. Đối với diện tích đất mà trên đất có căn nhà thì ông không yêu cầu chia đối với đất, ông chỉ yêu cầu chia giá trị của căn nhà. Diện tích đất lúa 2.060m^2 thì vợ chồng đã thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân L để đảm bảo số tiền vay 55.000.000 đồng. Trước đây, theo đơn khởi kiện thì ông có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, cụ thể: yêu cầu bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng ông trả cho ông Lê Châu P số tiền 27.500.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn Tr số tiền 11.550.000 đồng và trả Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền 55.000.000 đồng. Nay, ông xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung đối với bà L, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Nay Tòa án công bố biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá và sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp thì ông thống nhất với biên bản thẩm định, biên bản định giá và sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định lại, không yêu cầu định giá lại và không yêu cầu đo đạc lại. Đối với căn nhà có diện tích 37,8m^2 theo các mốc điểm 6, 7, 8, 9 trong đó có diện tích 3,5m^2 theo các mốc điểm 9, 14, 15, 6 nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L. Ông

xác định không tranh chấp diện tích đất diện tích 3,5m^2 theo các mốc điểm 9, 14, 15, 6 đối với bà L là tài sản chung của vợ chồng (vì diện tích nhà này nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L). Nay, ông xác định yêu cầu như sau:

Yêu cầu chia giá trị căn nhà có diện tích 34,3m^2 theo các mốc điểm 14, 15, 7, 8 thành 02 phần bằng nhau (diện tích 34,3m^2 x giá 3.852.000 đồng x giá trị sử dụng còn lại 65% : 2). Ông yêu cầu được nhận 01 phần 42.500.000 đồng, ông yêu cầu được nhận giá trị, đồng ý để bà L được nhận nhà. Đối với diện tích đất 37,7m^2 theo các mốc điểm 10, 11, 12, 13 đã cấp cho bà L ông không yêu cầu chia, vì đất này là tài sản riêng của bà L.

Đối với diện tích đất 2.060m^2 theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 và trên đất có 01 chuồng bò diện tích 33,8m^2 theo các mốc điểm 7, 8, 9, 10. Trước đây, ông yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng nay ông xác định xin rút lại yêu yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với diện tích đất 2.060m^2 theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 và trên đất có 01 chuồng bò diện tích 33,8m^2 theo các mốc điểm 7, 8, 9, 10 đối với bà L.

Ông xin rút lại yêu cầu bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng ông trả cho ông Lê Châu P số tiền 27.500.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn Tr số tiền 11.550.000 đồng và trả Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền 55.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

Tại phiên Tòa hôm nay, ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại tờ tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình làm việc bị đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Vào năm 2005, bà và ông Phạm Văn C tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới. Đến năm 2014, mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Hiện nay, ông, bà đã ly hôn bằng bản án số 253/2019/HNGĐ-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đối với yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn và cùng liên đới với ông C trả nợ cho ông Lê Châu P số tiền 27.500.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn Tr số tiền 11.550.000 đồng và trả Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền 55.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Vì trước khi chung sống với ông C thì bà đã tích lũy tiền để mua đất lúa, diện tích 2.060m^2 và đất thổ cư, diện tích 37m^2 của ông Mức (ngụ ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Đối với căn nhà thì tiền do vợ chồng tích lũy từ việc chăn nuôi bò được số tiền 76.000.000 đồng, còn lại là 60.000.000 đồng là tiền cá nhân của bà tích lũy từ trước đó (mẹ ruột bà biết việc này, vì bà đã gửi tiền cho mẹ bà giữ dùm. Đến khi cất nhà thì bà có kêu ông C qua gặp mẹ bà để lấy số tiền 60.000.000 đồng). Do đó, bà xác định diện tích đất lúa 2060m^2 và diện tích đất thổ cư diện tích 37m^2 là cá nhân của bà, nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của ông C và diện tích đất lúa 2060m^2 khi vợ chồng còn sống chung đã thế chấp cho Quỹ tín dụng để đảm bảo số tiền vay 55.000.000 đồng và căn nhà trên diện

tích đất 37m^2 là tài sản của vợ chồng chỉ có 76.000.000 đồng, nên bà chỉ đồng ý chia cho ông C 38.000.000 đồng. Đối với số nợ ông Lê Châu P số tiền 27.500.000 đồng là tiền mua vật tư và ông Nguyễn Văn Tr số tiền 11.550.000 đồng là tiền mua giống bắp non và nợ Quỹ tín dụng nhân dân L 55.000.000 đồng thì ông C rút lại yêu cầu này nên bà không có ý kiến.

Nay Tòa án công bố biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá và sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp thì bà thống nhất với biên bản thẩm định, biên bản định giá và sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định lại, không yêu cầu định giá lại và không yêu cầu đo đạc lại. Đối với căn nhà có diện tích 37,8m^2 theo các mốc điểm 6, 7, 8, 9 trong đó có diện tích 3,5m^2 theo các mốc điểm 9, 14, 15, 6 nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà. Bà xác định không tranh chấp diện tích đất 3,5m^2 theo các mốc điểm 9, 14, 15, 6 đối với ông C là tài sản chung của vợ chồng (vì diện tích nhà này nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà). Nay, bà xác định như sau:

Đối với yêu cầu chia giá trị căn nhà có diện tích 34,3m^2 theo các mốc điểm 14, 15, 7, 8 thành 02 phần bằng nhau (diện tích 34,3m^2 x giá 3.852.000 đồng x giá trị sử dụng còn lại 65% : 2) thì bà đồng ý hoàn giá trị cho ông C số tiền 42.500.000 đồng, bà yêu cầu nhận hiện vật. Đối với diện tích đất 37,7m^2 theo các mốc điểm 10, 11, 12, 13 đã cấp cho bà, bà không đồng ý chia, vì đất này là tài sản riêng của bà.

Đối với diện tích đất 2060m^2 theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 và trên đất có 01 chuồng bò diện tích 33,8m^2 theo các mốc điểm 7, 8, 9, 10. Trước đây, ông C yêu cầu chia đôi tài sản này, nhưng nay ông C xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với diện tích đất 2060m^2 theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 và trên đất có 01 chuồng bò diện tích 33,8m^2 theo các mốc điểm 7, 8, 9, 10 đối với bà, thì bà không ý kiến.

Đối với yêu cầu của ông C yêu cầu bà có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Châu P số tiền 27.500.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn Tr số tiền 11.550.000 đồng và trả Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền 55.000.000 đồng. Nay, ông C xin rút lại yêu cầu này, bà cũng không có ý kiến.

Tại Pên Tòa hôm nay, bà giữ nguyên ý kiến trình bày. Bà L xác định, quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà tranh chấp diện tích 37,7m^2, tại thửa 27, tờ 62 do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03007/pB, ngày 10/8/2000 hiện nay không bị thế chấp tại các tổ chức tín dụng.

Tại tờ tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2018, ông C, bà L có mua hạt giống của ông và nợ ông số tiền 11.550.000 đồng. Ông C, bà L đã ly hôn đến nay chưa trả cho ông, ông sẽ thỏa thuận với ông C, bà L trả số tiền này. Nếu không trả thì ông sẽ thưa ông C, bà L vào vụ kiện khác.

Ông Lê Châu P trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2018, ông C, bà L có mua vật tư nông nghiệp của số tiền 27.500.000 đồng. Ông C, bà L đã ly hôn đến nay chưa trả cho ông, ông sẽ thỏa thuận với ông C, bà L trả số tiền này. Nếu không thỏa thuận được, thì ông sẽ kiện ông C, bà L bằng một vụ kiện khác, ông không yêu cầu trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Quỹ tín dụng nhân dân L, ông Nguyễn Văn Tr, ông Lê Châu P được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về Pên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự vẫn vắng mặt nên Tòa án không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Ngày 28/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã ban hành bản án số 253, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L với ông Phạm Văn C, trong đó bà L nuôi con chung tên Phạm Hồng Ngọc, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Do chưa đề cập giải quyết về tài sản chung nên ông C khởi kiện yêu cầu chia giá trị căn nhà, diện tích 34,3m^2 trị giá 85.000.000 đồng, yêu cầu được chia 42.500.000 đồng, đồng ý để bà L được nhận nhà. Phía bà L thống nhất chia tài sản chung là trị giá ½ căn nhà 42.500.000 đồng cho ông C. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là cơ sở nên công nhận.

Đối với, yêu cầu chia diện tích 2.060m^2 đất trồng rẫy, cũng như số nợ của ông Lê Châu P 27.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn Tr 11.550.000 đồng, Quỹ tín dụng nhân dân L 55.000.000 đồng. Do ông C đã rút lại yêu cầu khởi kiện và các ông Tr, P và Quỹ tín dụng nhân dân L không có yêu cầu độc lập nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị L.

- Bà Huỳnh Thị L được sở hữu căn nhà có diện tích 34,3m^2 theo các mốc điểm 14, 15, 7, 8 của Sơ đồ đo đạc ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới.

- Bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản được chia cho ông Phạm Văn C 42.500.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C đối với yêu cầu chia diện tích 2.060m^2 đất trồng rẫy, cũng như số nợ của ông Lê Châu P 27.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn Tr 11.550.000 đồng, Quỹ tín dụng nhân dân L 55.000.000 đồng.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Văn C yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bà Huỳnh Thị L, bà L có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Tr, ông Lê Châu P có yêu cầu xin vắng mặt, Quỹ tín dụng nhân dân L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia Pên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Quá trình làm việc và tại Pên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với diện tích đất 2.060m^2 theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 và trên đất có 01 chuồng bò diện tích 33,8m^2 theo các mốc điểm 7, 8, 9, 10 đối với bà L. Ông C xin rút lại yêu cầu bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng ông trả cho ông Lê Châu P số tiền 27.500.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn Tr số tiền 11.550.000 đồng và trả Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền 55.000.000 đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Tại Pên Tòa hôm nay, ông C, bà L thống nhất ông, bà có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà cấp 3.1 có kết cấu nóng cột đà, bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tole, tấm trần nhựa, nền lót gạch cicramet, có mái đón bê tông cốt thép, hệ thống nhà vệ sinh, bếp ốp gạch, giá trị sử dụng còn lại 65%, diện tích 34,3m^2 theo các mốc điểm 14, 15, 7, 8 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới. Nhà có giá 3.852.000 đồng/m^2. Ông C, bà L thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá và sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp. Các đương sự không có yêu cầu đo đạc và định giá lại. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định tài sản trên là tài sản chung của ông C và bà L trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Xét yêu cầu chia tài sản chung của ông C, Hội đồng xét nhận thấy, ông C, bà L thống nhất giá trị căn nhà là 85.000.000 đồng. Ông C, bà L thống nhất thỏa thuận, bà L hoàn giá trị căn nhà cho ông C số tiền 42.500.000 đồng, bà L được nhận hiện vật là căn nhà diện tích 34,3m^2 theo các mốc điểm 14, 15, 7, 8 của Văn phòng đăng ký đất

đai chi nhánh Chợ Mới. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, xét công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông C, bà L.

[6] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân L, ông Nguyễn Văn Tr, ông Lê P Châu không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 2.755.500 đồng, chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Tổng cộng 3.755.500 đồng (ông C đã tạm nộp). Tại Pên Tòa hôm nay, ông C có ý kiến tự nguyện chịu chi phí này, xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét ghi nhận sự tự nguyện của ông C.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C phải chịu 2.125.000đ, bà L phải chịu 2.125.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C đối với bà Huỳnh Thị L về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị L.

Bà Huỳnh Thị L được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 3.1 có kết cấu nóng cột đà, bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tole, tấm trần nhựa, nền lót gạch cicramet, có mái đón bê tông cốt thép, hệ thống nhà vệ sinh, bếp ốp gạch, diện tích 34,3m^2 theo các mốc điểm 14, 15, 7, 8 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới (Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới ngày 19/10/2020 là một bộ phận không thể tách rời Bản án).

Bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ hoàn giá trị nhà cho ông Phạm Văn C số tiền 42.500.000 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà ở theo sơ đồ Trch đo hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất

đai – Chi nhánh huyện Chợ Mới (Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới ngày 19/10/2020 là một bộ phận không thể tách rời Bản án).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C đối với bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn diện tích đất lúa 2.060m^2, cũng như yêu cầu bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ của ông Lê Châu P 27.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn Tr 11.550.000 đồng, Quỹ tín dụng nhân dân L 55.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: 3.755.500 đồng. Ông Phạm Văn C tự nguyện chịu. Ông C đã nộp xong.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn C phải chịu 2.125.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0008017, ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Ông Phạm Văn C được nhận số tiền 1.000.000đ theo biên lai thu số 0008017, ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà Huỳnh Thị L phải chịu 2.125.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại Pên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư